TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 24-7-2017
V/v "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Liên.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường.

Bà Lê Thị Hoài Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2017/HN-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1955; trú tại: 688 T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm 1954; trú tại: 688 T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đức P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đào Thị N tự nguyện chung sống từ năm 1981, không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Bà N nghi ngờ ông mang tiền của vợ chồng cho người khác, nên thường xuyên cãi vã, tuy sống chung một nhà, nhưng không ai quan tâm và có trách nhiệm với ai. Ông thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu được ly hôn Bà N.

Về quan hệ nuôi con chung: Ông bà có 04 con chung là: Nguyễn Đức L, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984; Nguyễn Đức T, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988. Các cháu đã trưởng thành, sống tự lập, nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông bà có một ngôi nhà tọa lạc tại 688 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định trị giá 1.200.000.000 đồng. Ông yêu cầu được sở hữu toàn bộ ngôi nhà, đồng ý giao lại Bà N ½ giá trị chênh lệch. Ông bà không nợ chung ai, cũng không ai nợ chung ông bà, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đào Thị N trình bày:

Bà thống nhất với ông P về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống chung vẫn hạnh phúc bình thường, cho đến khi ông P nghỉ hưu mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông P có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà thấy vợ chồng mâu thuẫn không có gì lớn, bà vẫn còn thương ông, nên không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ nuôi con chung: Bà thống nhất như trình bày của ông P và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà thống nhất khối tài sản chung như ông P trình bày, nhưng không yêu cầu Tòa giải quyết. Ông bà không nợ chung ai, cũng không ai nợ chung ông bà, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2017/HN-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã A đã quyết định:

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức P xin ly hôn bà Đào Thị N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự về chia tài sản và chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, nguyên đơn ông Nguyễn Đức P kháng cáo yêu cầu được ly hôn bà Đào Thị N và yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông P rút yêu cầu chia tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức P và bà Đào Thị N tự nguyện chung sống từ năm 1981, không đăng ký kết hôn. Tuy không đăng ký kết hôn, nhưng ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1981, không vi phạm các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Ông P kháng cáo yêu cầu được ly hôn Bà N. Thấy rằng: Ông bà chung sống hạnh phúc đã trên 30 năm, có bốn con chung đã trưởng thành và đã lập gia đình. Ông bà thật sự phát sinh mâu thuẫn vào khoảng cuối năm 2015, nguyên nhân, do bà nghi ngờ ông ngoại tình và sử dụng tiền chung của vợ chồng không minh bạch, nên vợ chồng lời qua tiếng lại, cãi vã nhau. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung vẫn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân vẫn có thể đạt được. Án sơ thẩm đã bác yêu cầu ly hôn của ông P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của ông P không được chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì ông P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng ông đã nộp.

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 282, 293 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự về chia tài sản và chi phí định giá tài sản không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, khoản 2 Điều 282, 293 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức P xin ly hôn bà Đào Thị N.

2. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự về chia tài sản và chi phí định giá tài sản không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng ông đã nộp theo biên lai thu số 0002663 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, ông P đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục THA dân sự;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS, Tòa dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Liên